

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUANG BÌNH
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 6 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Long.
2. Bà Nguyễn Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Đánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Làn Thị L; sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn T, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Căn cước công dân số 002300xxxxxx, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 09/8/2021; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phù Định B; sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn T, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Căn cước công dân số 002099xxxxxx, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 05/7/2023; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Làn Thị L khai ngày 19/3/2021, chị L và anh Phù Định B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm mà vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mỗi lần như vậy chồng thường đòi đuổi chị

L; chồng không có chính kiến, nghe lời bố mẹ không quan tâm chăm sóc lúc chị L ốm đau, không giúp chăm sóc con cái. Đặc biệt vào khoảng tháng 5 năm 2022, anh B đã đánh, đuổi chị L nên chị L và con đã về nhà mẹ đẻ và sống ly thân. Đến tháng 01 năm 2023, được cán bộ thôn và bố mẹ hai bên hòa giải thì chị L về lại nhà chồng. Nay chị L thấy không thể chung sống được với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị không còn tình cảm gì với anh B nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh B, giao con chung là Phù Thị A, sinh ngày 17/9/2021 cho anh B là người trực tiếp nuôi, chị L không phải cấp dưỡng cho con. Sau đó, tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị L có ý kiến là chị sẽ đóng góp cho anh B tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 25 hàng tháng với mức cấp dưỡng một tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Vợ chồng không có tài sản, công nợ chung nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bị đơn là anh Phù Định B khai vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/3/2021 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng chung sống với bố mẹ anh B tại thôn T, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang đến cuối năm 2022 thì ra ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khi ra ở riêng thì hai vợ chồng cùng đi làm công ty. Trước khi đi làm công ty, vào khoảng tháng 9 năm 2021, hai vợ chồng có mâu thuẫn với nhau do không có tiếng nói chung, không hiểu ý nhau, không bảo ban được nhau trong làm ăn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã về việc không hộ vợ trông con. Do nói chuyện không vào nhau, anh B có đụng tay với vợ nhưng chỉ đánh nhẹ vợ và có nói nặng lời với vợ và đuổi vợ về nhà mẹ vợ và chị L có bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã M, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Hai bên gia đình hòa giải, anh B cũng đã đi động viên đón vợ về, sau đó hai vợ chồng đi làm ở công ty ở Hải Phòng, không có mâu thuẫn gì. Sau đó vợ về lại sang nhà bố mẹ đẻ ở. Anh B có sang động viên, khuyên bảo sang nhà với anh B và con thì được 02 ngày sau vợ lại đi về nhà bố mẹ đẻ. Nay anh B vẫn còn tình cảm với chị L, nhưng anh B nghĩ là chị L có tình cảm với người khác. Nếu chị L yêu cầu ly hôn, quan điểm của anh B là không đồng ý ly hôn vì nguyên nhân mâu thuẫn không đến mức phải ly hôn. Vợ chồng có một con gái chung là Phù Thị A, sinh ngày 17/9/2021, hiện đang ở cùng anh B và ông bà nội. Nếu ly hôn thì anh B sẽ là người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu chị L phải cấp dưỡng là 500.000 đồng/tháng. Hiện nay anh B làm ruộng và thi thoảng đi làm thời vụ tại công ty để có thêm thu nhập. Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các điều 6 và 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Xử cho chị Làn Thị L ly hôn anh Phù Định B. Giao con gái chung là Phù Thị A, sinh ngày 17/9/2021 cho anh Phù Định B trực tiếp nuôi; chị L có nghĩa vụ đóng góp cho anh Phù Định B tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 25 hàng tháng với mức cấp dưỡng một tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Chị Làn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002306 ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang; chị Làn Thị L còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Làn Thị L có đơn khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung đối với anh Phù Định B, có địa chỉ tại thôn T, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quang Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ, theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Làn Thị L và anh Phù Định B tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/3/2021 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang, là kết hôn hợp pháp. Chị L xin ly hôn anh B; anh B trình bày vẫn còn tình cảm với chị L, nhưng nghĩ là chị L có tình cảm với người khác, tuy nhiên ngoài lời khai ra thì anh B không cung cấp được chứng cứ gì. Dù anh B không đồng ý ly hôn vì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn không đến mức phải ly hôn nhưng từ lời khai của chị L và anh B thấy được là hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, anh B có hành vi đánh và đuổi vợ đi, vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian. Như vậy là anh B đã có hành vi bạo lực gia đình, là hành vi bị cấm theo quy định tại điểm h khoản

2 Điều 5 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L không còn tình nghĩa vợ chồng và tình cảm yêu thương đối với anh B. Hội đồng xét xử thấy vợ chồng chị L và anh B đã phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị L ly hôn anh B.

[4] Về con chung: Chị L và anh B có một con gái chung là Phù Thị A, sinh ngày 17/9/2021, hiện đang ở cùng anh B. Xét ý kiến của chị L và anh B về việc nuôi con chung, Tòa án thấy cần căn cứ các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình để giao con chung cho anh B trực tiếp nuôi và chị L có nghĩa vụ đóng góp cho anh B tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 25 hàng tháng với mức cấp dưỡng một tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được thực hiện theo quy định tại các điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không giải quyết vấn đề này.

[7] Nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các điều 6 và 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

*** Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Làn Thị L ly hôn anh Phù Định B.

*** Về con chung:** Giao con gái chung là Phù Thị A, sinh ngày 17/9/2021 cho anh Phù Định B trực tiếp nuôi; chị L có nghĩa vụ đóng góp cho anh Phù Định B tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 25 hàng tháng với mức cấp dưỡng một tháng

là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

* **Về án phí:** Chị Làn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002306 ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang; chị Làn Thị L còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

* **Về kháng cáo:** Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

* **Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mai Hồng